

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KHẢO SÁT TIN HỌC
ĐỢT THÁNG 8 - NĂM 2011
KHOA XÂY DỰNG

Ngày thi: 06/08/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM KHẢO SÁT		KẾT QUẢ	Ghi chú
				SỐ	CHỮ		
1	10.104.8412	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	K10XC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
2	132220308	LÊ THUẬN DŨNG	T13XDC	6.0	Sầu	Đạt	
3	132220351	NGUYỄN NGỌC ÍCH	T13XDC	3.5	Ba pháp Nằm	Không đạt	
4	142210189	BÙI NGỌC HIẾU	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
5	142210237	PHẠM NHƯ QUÂN	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
6	142220295	PHẠM VĂN BÌNH	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
7	142220296	TRƯƠNG QUANG CẢNH	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
8	142220298	LÊ ĐỨC CƯỜNG	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
9	142220299	ĐOÀN VĂN DANH	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
10	142220300	NGUYỄN TRÌNH DIỄN	T14XDC	3.5	Ba pháp Nằm	Không đạt	
11	142220304	LÊ VĂN DƯƠNG	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
12	142220305	NGUYỄN SINH DUY	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
13	142220306	NGUYỄN THẾ HẢI	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
14	142220307	DƯƠNG HẢI	T14XDC	6.5	Sầu pháp Nằm	Đạt	
15	142220309	PHAN HẢO	T14XDC	6.5	Sầu pháp Nằm	Đạt	
16	142220311	PHAN HIẾU	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
17	142220312	VÕ VĂN HÙNG	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
18	142220314	TRẦN CÔNG KHOA	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
19	142220316	NGUYỄN BÁ LÂM	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
20	142220318	NGUYỄN HỒNG LỊNH	T14XDC	3.5	Ba pháp Nằm	Không đạt	
21	142220321	NGUYỄN VĂN MẠNH	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
22	142220322	NGUYỄN HOÀI NAM	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
23	142220325	TRẦN HOÀNG NHÂN	T14XDC	3.0	Ba	Không đạt	
24	142220328	HUỲNH NGỌC NINH	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
25	142220330	CAO ĐỨC PHƯỚC	T14XDC	2.5	Hai pháp Nằm	Không đạt	
26	142220334	TRẦN NGỌC SÂM	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
27	142220335	NGUYỄN TRUNG SON	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
28	142220337	PHAN VĂN TÂY	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
29	142220339	LÊ MINH THÀNH	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
30	142220341	LÊ VĂN THÀNH	T14XDC	6.5	Sầu pháp Nằm	Đạt	
31	142220342	VƯƠNG CÔNG THÀNH	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
32	142220343	NGÔ NGỌC THIÊN	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
33	142220344	HỒ VĂN THIỆU	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
34	142220345	MAI QUỐC THỌ	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
35	142220347	NGUYỄN VĂN TRÍ	T14XDC	4.0	Bầu	Không đạt	
36	142220348	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
37	142220349	NGUYỄN TẤN TUÂN	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
38	142220350	NGUYỄN ANH TUẤN	T14XDC	6.5	Sầu pháp Nằm	Đạt	
39	142220353	NGÔ TÁ VIỆT	T14XDC	4.5	Bầu pháp Nằm	Không đạt	
40	142220354	NGUYỄN BÁ VINH	T14XDC	2.5	Hai pháp Nằm	Không đạt	
41	142210702	NGUYỄN TRỌNG DANH	D14XDD	3.5	Ba pháp Nằm	Không đạt	
42	142210720	VÕ HỮU HÙNG	D14XDD	3.5	Ba pháp Nằm	Không đạt	
43	142210742	HỒ VĂN QUỐC	D14XDD	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
44	142210744	NGUYỄN ĐÔNG SÁNG	D14XDD	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
45	142210746	LƯU VĂN TÂM	D14XDD	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
46	142210758	LÊ THANH TUẤN	D14XDD	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KHẢO SÁT TIN HỌC
ĐỢT THÁNG 8 - NĂM 2011
KHOA XÂY DỰNG

Ngày thi: 06/08/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM KHẢO SÁT		KẾT QUẢ	Ghi chú
					SỐ	CHỮ		
47	K11.114.0364	DƯƠNG TÂN	ĐÔNG	K11XD	3.5	Ba pháp Năm	Không đạt	
48	122210263	NGUYỄN ĐĂNG	HOÀNG	K12XDD	6.0	Sầu	Đạt	
49	122210309	LÊ CHÍ	THÀNH	K12XDD	6.0	Sầu	Đạt	
50	132210176	PHAN QUANG	DŨNG	T13XDD	V	Vàõg	Không đạt	
51	132210196	TRẦN THANH	HÙNG	T13XDD	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
52	132210276	NGUYỄN MINH	TUẤN	T13XDD	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
53	132210277	TRẦN THANH	TÙNG	T13XDD	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
54	142210155	NGUYỄN ĐỨC	ANH	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
55	142210161	KIỀU XUÂN	CHIÊN	T14XDD1	6.0	Sầu	Đạt	
56	142210163	PHAN HỮU	CHUNG	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
57	142210164	NGUYỄN VĂN	CÔNG	T14XDD1	4.5	Bấ pháp Năm	Không đạt	
58	142210167	LÊ VĂN	ĐẠO	T14XDD1	7.0	Báý	Đạt	
59	142210176	NGUYỄN	DŨNG	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
60	142210179	NGUYỄN TRẦN QUANG	DUY	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
61	142210182	HOÀNG THANH	HẢI	T14XDD1	4.5	Bấ pháp Năm	Không đạt	
62	142210185	NGUYỄN THẾ	HANH	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
63	142210191	NGUYỄN THANH	HÒA	T14XDD1	6.0	Sầu	Đạt	
64	142210194	NGUYỄN VĂN	HOÀN	T14XDD1	6.0	Sầu	Đạt	
65	142210197	TRẦN THANH	HÙNG	T14XDD1	6.5	Sầu pháp Năm	Đạt	
66	142210200	NGHIÊM THANH	HƯƠNG	T14XDD1	V	Vàõg	Không đạt	
67	142210218	NGUYỄN VĂN	LỰC	T14XDD1	6.5	Sầu pháp Năm	Đạt	
68	142210221	NGÔ ĐỨC	LÝ	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
69	142210227	PHAN XUÂN	NAM	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
70	142210230	TRỊNH HỒNG	NGUYỄN	T14XDD1	4.5	Bấ pháp Năm	Không đạt	
71	142210233	LIU HỒNG	PHONG	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
72	142210257	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
73	142210260	TRẦN ANH	THU	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
74	142210263	TRẦN VIỆT	THƯỜNG	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
75	142210266	LÊ VĂN	TỊNH	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
76	142210269	TRẦN VĂN	TRUNG	T14XDD1	4.0	Bấ	Không đạt	
77	142210272	ĐẶNG ANH	TRƯỜNG	T14XDD1	6.0	Sầu	Đạt	
78	142210275	PHẠM THANH	TÚ	T14XDD1	6.5	Sầu pháp Năm	Đạt	
79	142210278	LÊ VĂN	TUẤN	T14XDD1	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
80	142210281	PHAN ANH	TUẤN	T14XDD1	6.5	Sầu pháp Năm	Đạt	
81	142210284	PHAN THÀNH	TÚY	T14XDD1	7.0	Báý	Đạt	
82	142210287	HỒ TẤN	VĨNH	T14XDD1	6.0	Sầu	Đạt	
83	142210290	VƯƠNG	Ý	T14XDD1	9.0	Chên	Đạt	
84	142220297	NGUYỄN HỮU	CHUNG	T14XDD1	8.0	Tăm	Đạt	
85	142210156	PHAN NGỌC	BẢO	T14XDD2	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
86	142210159	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	T14XDD2	7.0	Báý	Đạt	
87	142210162	NGUYỄN ĐÌNH	CHUNG	T14XDD2	9.0	Chên	Đạt	
88	142210165	VÕ TẤN	CUÔNG	T14XDD2	8.0	Tăm	Đạt	
89	142210168	TRƯƠNG VĂN	ĐÁU	T14XDD2	0.0	Khăng	Không đạt	
90	142210171	CAO VĂN	ĐIỀN	T14XDD2	6.0	Sầu	Đạt	
91	142210173	NGUYỄN VĂN	ĐOÀN	T14XDD2	5.5	Năm pháp Năm	Đạt	
92	142210174	NGUYỄN TIẾN	DOANH	T14XDD2	6.5	Sầu pháp Năm	Đạt	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KHẢO SÁT TIN HỌC
ĐỢT THÁNG 8 - NĂM 2011
KHOA XÂY DỰNG

Ngày thi: 06/08/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM KHẢO SÁT		KẾT QUẢ	Ghi chú
				SỐ	CHỮ		
93	142210177	DƯƠNG TRƯƠNG QUỐ DŨNG	T14XDD2	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
94	142210183	PHẠM MINH HẢI	T14XDD2	6.0	Sầu	Đạt	
95	142210195	TRẦN MINH HOÀNG	T14XDD2	6.5	Sầu pháp Nằm	Đạt	
96	142210198	NGÔ PHƯỚC HÙNG	T14XDD2	4.5	Bất pháp Nằm	Không đạt	
97	142210201	NGUYỄN THANH HỮU	T14XDD2	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
98	142210204	NGUYỄN VĂN KHÁNH	T14XDD2	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
99	142210213	NGUYỄN VĂN LÀO	T14XDD2	6.0	Sầu	Đạt	
100	142210216	NGUYỄN HOÀNG LONG	T14XDD2	6.0	Sầu	Đạt	
101	142210219	LÝ ĐÌNH LỰC	T14XDD2	4.5	Bất pháp Nằm	Không đạt	
102	142210225	HỒ VĂN MINH	T14XDD2	4.5	Bất pháp Nằm	Không đạt	
103	142210228	LÊ VIỆT NGHĨA	T14XDD2	4.5	Bất pháp Nằm	Không đạt	
104	142210231	NHAN NGỌC NHIỆM	T14XDD2	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
105	142210234	TRƯƠNG PHONG	T14XDD2	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
106	142210240	VÕ NGỌC QUANG	T14XDD2	3.0	Ba	Không đạt	
107	142210249	BÙI HUỲNH TẤN	T14XDD2	4.5	Bất pháp Nằm	Không đạt	
108	142210252	LÊ ANH THẮNG	T14XDD2	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
109	142210255	NGUYỄN TRỌNG THI	T14XDD2	4.5	Bất pháp Nằm	Không đạt	
110	142210258	NGUYỄN VĂN THOẠI	T14XDD2	3.5	Ba pháp Nằm	Không đạt	
111	142210261	TRẦN PHƯỚC THUẬN	T14XDD2	3.5	Ba pháp Nằm	Không đạt	
112	142210267	PHAN THANH TOÀN	T14XDD2	3.0	Ba	Không đạt	
113	142210270	TRẦN THẾ TRUNG	T14XDD2	4.5	Bất pháp Nằm	Không đạt	
114	142210273	TRẦN VĂN TRUYỀN	T14XDD2	6.0	Sầu	Đạt	
115	142210276	HỒ SỸ TƯ	T14XDD2	3.0	Ba	Không đạt	
116	142210279	NGUYỄN ANH TUẤN	T14XDD2	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
117	142210282	ĐẶNG VĂN TUẤT	T14XDD2	V	Vàõg	Không đạt	
118	142210160	NGUYỄN KÔNG CHÁNH	T14XDD3	4.0	Bất	Không đạt	
119	142210166	NGUYỄN TẤN CUÔNG	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
120	142210169	NGUYỄN ĐẾN	T14XDD3	4.5	Bất pháp Nằm	Không đạt	
121	142210172	PHAN ĐÌNH DIỆP	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
122	142210175	NGUYỄN ĐỨC DU	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
123	142210178	NGUYỄN ĐÌNH DUY	T14XDD3	6.0	Sầu	Đạt	
124	142210184	NGUYỄN THÀNH HẢI	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
125	142210187	LÊ QUỐC HIỀN	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
126	142210190	LÊ VĂN LƯƠNG HỒ	T14XDD3	6.0	Sầu	Đạt	
127	142210193	ĐÌNH XUÂN HOÀI	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
128	142210196	ĐÌNH VĂN HUỆ	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
129	142210199	NGUYỄN HUY HÙNG	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
130	142210205	TRẦN NGỌC KHÁNH	T14XDD3	4.0	Bất	Không đạt	
131	142210214	NGUYỄN DUY LINH	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
132	142210217	TRƯƠNG NGỌC LONG	T14XDD3	3.5	Ba pháp Nằm	Không đạt	
133	142210220	LƯƠNG VĂN LÝ	T14XDD3	V	Vàõg	Không đạt	
134	142210223	NGUYỄN TRẦN MINH	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
135	142210226	VÕ VĂN MỸ	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
136	142210229	TRẦN ĐỨC NGUYỄN	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
137	142210232	NGUYỄN THÀNH NHƯ	T14XDD3	6.5	Sầu pháp Nằm	Đạt	
138	142210235	LÊ VĂN PHÒNG	T14XDD3	V	Vàõg	Không đạt	

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KHẢO SÁT TIN HỌC
ĐỢT THÁNG 8 - NĂM 2011
KHOA XÂY DỰNG**

Ngày thi: 06/08/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM KHẢO SÁT		KẾT QUẢ	Ghi chú
				SỐ	CHỮ		
139	142210238	TRẦN QUANG	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
140	142210247	TRƯƠNG VĂN TÁM	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
141	142210253	NGUYỄN NGỌC THẮNG	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
142	142210256	PHAN QUỐC THỊNH	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
143	142210259	PHAN VĂN THU	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
144	142210265	BÙI ĐỨC TÍN	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
145	142210268	LÊ ĐỨC TRÍ	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
146	142210271	CAO VĂN TRƯỜNG	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
147	142210274	TRƯƠNG ANH TÚ	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
148	142210277	NGUYỄN VĂN TUÂN	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
149	142210280	VÕ ĐĂNG TUẤN	T14XDD3	6.0	Sầu	Đạt	
150	142210283	LÊ VĂN TUÔNG	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
151	142210285	NGUYỄN THANH VANG	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
152	142210286	NGUYỄN LƯƠNG VINH	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
153	142210288	LÊ PHƯỚC VĨNH	T14XDD3	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
154	122210308	PHAN PHÚ THÀNH	K12XDD1	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
155	142220308	NGUYỄN HỮU HẢI	T14XDC	7.5	Baý pháp Nằm	Đạt	
156	142220340	NGUYỄN TIỀN THÀNH	T14XDC	6.0	Sầu	Đạt	
157	142210209	PHẠM ĐĂNG KHOA	T14XDD1	2.5	Hai pháp Nằm	Không đạt	
158	142210215	LƯU CÔNG LĨNH	T14XDD1	4.5	Baý pháp Nằm	Không đạt	
159	142210236	NGUYỄN THANH PHỤNG	T14XDD1	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
160	142210239	HÀ VĂN TƯỜNG	T14XDD1	1.5	Mặt pháp Nằm	Không đạt	
161	142210254	HỒ VĂN THÀNH	T14XDD1	1.5	Mặt pháp Nằm	Không đạt	
162	142210210	PHẠM QUỐC KHUÔNG	T14XDD2	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
163	142210264	VÕ HỮU TÍN	T14XDD2	V	Vaõg	Không đạt	
164	142210243	PHẠM XUÂN SINH	T14XDD2	8.0	Taĩm	Đạt	
165	142210203	PHAN ANH KHẢ	T14XDD1	3.0	Ba	Không đạt	
166	142220313	ĐOÀN CÔNG HUY	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	
167	142220301	NGÔ QUANG ĐỊNH	T14XDC	5.5	Nằm pháp Nằm	Đạt	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TL	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	124	74%	
2	Số sinh viên nợ	43	26%	
TỔNG CỘNG :		167	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2011

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phan Thanh Tâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú